

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 185/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 23 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số A, đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình ngày 27/6/2024 các đương sự thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê Hoàng H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hoàng Khánh N, sinh ngày 12/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hoàng H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng: Tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (tháng 7/2024) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng một lần.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê Hoàng H đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê Hoàng H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hoàng Khánh N, sinh ngày 12/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hoàng H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng: Tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (tháng 7/2024) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể có thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê Hoàng H đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê Hoàng H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002697 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên bà L và ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt